

NGOẠI GIAO VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC 1954-1975

KHẮC HUỖNH*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Việt Nam kéo dài 21 năm. Để thắng Mỹ, mặt trận ngoại giao đã hỗ trợ, phối hợp với mặt trận quân sự, chính trị có hiệu quả với những hoạt động khẩn trương, phong phú. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích một số sự kiện và những hoạt động chính của ngoại giao Việt Nam từng giai đoạn với mong muốn làm rõ và khẳng định những thành công cũng như những đóng góp của mặt trận ngoại giao thời kỳ 1954-1975.

I. GIAI ĐOẠN ĐẦU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP NGHỊ GENÈVE (1954-1960)

Đây là giai đoạn mà tình hình thế giới và trong nước đang diễn ra những biến đổi sâu sắc và mạnh mẽ. Ở châu Á, chiến tranh Triều Tiên và Đông Dương chấm dứt, tình hình ở Viễn đông có dấu đi nhưng chiến tranh lạnh và chạy đua vũ trang vẫn gay gắt. Ở châu Âu, năm 1955 khối Varsava ra đời, đối trọng với khối NATO. Từ 1956, mâu thuẫn Xô - Trung trong phe XHCN bộc lộ. Với hai hội nghị các đảng Cộng sản và công nhân quốc tế vào các năm 1957 và 1960, phong trào cộng sản và công nhân

quốc tế cố gắng củng cố sự đoàn kết thống nhất nhưng không thành công. Trong khi đó, phong trào giải phóng dân tộc sau chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là ở châu Phi, hàng loạt các nước đã tuyên bố độc lập và năm 1960 đã được gọi là "năm châu Phi".

Sau Hiệp nghị Genève, Việt Nam bị chia cắt làm hai miền. Ở miền Nam, Mỹ gạt Pháp, thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Cách mạng Việt Nam bước sang thời kỳ mới như Hồ Chủ tịch khẳng định: "Nhiệm vụ chung của chúng ta hiện nay là thi hành đúng đắn hiệp định đình chiến, đấu tranh để giữ gìn và củng cố hoà bình để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc" (1).

Từ chiến khu trở về thủ đô, ngoại giao Việt Nam đi vào hoạt động theo cung cách chính quy, lập các sứ quán ở nước ngoài, tiếp nhận sứ quán các nước. Nhiệm vụ chính của ngoại giao lúc này là tập trung vào đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp nghị Genève. Chúng ta gương cao

* Bộ Ngoại giao.

ngọn cờ pháp lý của Hiệp nghị, kêu gọi sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân hai miền Nam Bắc đòi thi hành Hiệp nghị, đòi lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền, đòi mở hội nghị hiệp thương để tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Việc đấu tranh thi hành các điều khoản quân sự tương đối thuận vì chính phủ Pháp đã quyết định thực hiện chiến lược rút khỏi Đông Dương. Còn các điều khoản chính trị, bình thường hóa quan hệ hai miền, hiệp thương... thì Mỹ - Diệm hoàn toàn cự tuyệt. Chúng ra sức xây dựng chế độ độc tài, tăng cường đàn áp, khủng bố những người yêu nước với các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", lập trại tập trung, dồn dân vào ấp chiến lược... Việc đấu tranh lên án Mỹ - Diệm phá hoại Hiệp nghị, tố cáo tội ác của chúng trở thành nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên. Qua hơn bốn năm đấu tranh đòi thi hành Hiệp nghị Genève, ngoại giao đã góp phần tranh thủ dư luận quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân ta nhưng kết quả khá hạn chế vì nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là: Sau Hiệp nghị Genève, so sánh lực lượng ở miền Nam đã thay đổi, chúng ta chậm chuyển hướng chiến lược đấu tranh; miền Bắc thì đang tập trung khôi phục kinh tế sau chiến tranh và khắc phục hậu quả nặng nề của sai lầm cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

Cùng với đấu tranh thi hành Hiệp nghị Genève, Việt Nam ra sức phát triển củng cố quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước XHCN anh em, trước hết là với Liên Xô, Trung Quốc, đặt cơ sở hợp tác lâu dài và tranh thủ được khoản viện trợ cần thiết để khôi phục kinh tế miền Bắc. Chúng ta cũng coi trọng và bước đầu phát triển quan hệ hữu nghị với các nước dân tộc chủ nghĩa ở châu Á, châu Phi, trước hết là các nước

châu Á và Đông Nam Á. Quan hệ với hai vương quốc Lào, Campuchia cũng được điều chỉnh phù hợp với tình hình mới, đi tới quan hệ hữu nghị láng giềng.

II. GIAI ĐOẠN CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" (1961-1965)

Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 (khoá II) của Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) đã mở ra cục diện mới ở miền Nam. Phong trào đồng khởi, giành quyền làm chủ lan rộng khắp miền. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời với đường lối đối ngoại hòa bình, trung lập, sớm có ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Và lúc này, chính quyền Kennedy chủ trương mở rộng sự dính líu và can thiệp của Mỹ, với việc tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" theo công thức: quân đội Sài Gòn + cố vấn và vũ khí, trang bị của Mỹ. (Số cố vấn này tăng từ 1.077 người năm 1960 lên 10.640 người năm 1962). Quân đội Sài Gòn đẩy mạnh việc càn quét bắn phá, đàn áp. Đấu tranh cách mạng của nhân dân chuyển thành chiến tranh cách mạng với nhiệm vụ trung tâm là quyết đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - Diệm.

Nhiệm vụ trung tâm của ngoại giao trong giai đoạn này là tranh thủ cho được sự ủng hộ mạnh mẽ của quốc tế đối với cuộc đấu tranh của các lực lượng yêu nước và cách mạng ở miền Nam mà đại diện là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam.

Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc có ý nghĩa đặc biệt lúc này. Liên Xô lo ngại chiến tranh cách mạng miền Nam phát triển có thể cản trở hòa hoãn Xô - Mỹ. Còn Trung Quốc sau Genève khuyên ta "trường kỳ mai phục", đấu tranh hòa bình thống nhất đất nước, nay thấy

chiến tranh đang lan rộng ra toàn miền Nam cũng đã bày tỏ mối quan ngại sâu sắc. Mặc dầu vậy, với thời gian, phong trào đấu tranh của nhân dân mạnh lên, Mặt trận Dân tộc Giải phóng uy tín ngày một lớn, cho nên đến năm 1963, Trung Quốc, rồi Liên Xô và các nước XHCN đều ủng hộ Mặt trận, tán thành đường lối của ta và tăng cường chi viện cho cuộc chiến đấu của ta. Phát huy đường lối ngoại giao hòa bình trung lập của Mặt trận và thắng lợi của phong trào, ngoại giao hai miền đã tranh thủ tập hợp và mở rộng lực lượng quốc tế ủng hộ Việt Nam, ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng, góp phần phân hóa hàng ngũ đối phương, dánh một đòn mạnh vào chính sách can thiệp của Mỹ.

Ngoại giao rất coi trọng *yun đấp mặt trận đoàn kết nhân dân Đông Dương*. Việt Nam ủng hộ đề nghị của Quốc trưởng Sihanúc triệu tập Hội nghị Genève về Lào, đưa tới việc ký Hiệp nghị Genève về Lào (23-7-1962) với quy chế nền trung lập của Lào và chính phủ liên hiệp ba phái.

Với Campuchia, Việt Nam sớm ủng hộ đề nghị của Sihanúc về hội nghị quốc tế bảo đảm nền trung lập của Campuchia. Việc này góp phần tạo ra bước phát triển mới trong quan hệ hai nước; Sihanúc cắt đứt quan hệ với chính quyền Sài Gòn và công bố kế hoạch lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tháng 8-1964, đồng thời Campuchia tiếp tục tạo thuận lợi để ta tiếp tế vào Nam qua lãnh thổ Campuchia.

Từ khi Mỹ mở rộng chiến tranh, *phong trào nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ phát triển* nhanh chóng và mạnh mẽ, từ các nước XHCN đến các nước dân tộc chủ nghĩa. Phong trào tại các nước Tây Bắc Âu sôi động và có ảnh hưởng rất lớn. Phong trào nhân dân Mỹ

chống chiến tranh cũng phát triển mạnh. Tháng 8-1964, Mỹ gây "sự kiện vịnh Bắc Bộ", cho không quân, hải quân đánh phá một số vùng trên miền Bắc. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mở đợt đấu tranh lớn dài ngày tố cáo, lên án hành động chiến tranh của Mỹ. Nhiều chính phủ, các tổ chức dân chủ hòa bình quốc tế, các tổ chức xã hội, tôn giáo ở nhiều nước, nhiều nhân sĩ có tên tuổi... lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ nhân dân Việt Nam, đòi Mỹ chấm dứt can thiệp quân sự ở Việt Nam. Theo sáng kiến của Liên hiệp Công đoàn thế giới, tháng 10-1964, *Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống Mỹ bảo vệ hoà bình* đã được tổ chức tại Hà Nội với thành phần rộng rãi, thể hiện ý chí đoàn kết mạnh mẽ với Việt Nam, báo hiệu *bước đầu hình thành mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống Mỹ*.

III. GIAI ĐOẠN CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" (1965-1968)

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ tuy đẩy lên mức cao nhưng vẫn phá sản. Chính quyền Sài Gòn suy yếu, khủng hoảng triền miên. Mười bốn vụ đảo chính trong chưa đầy hai năm. Mỹ đứng trước sự lựa chọn: cam chịu thất bại, bỏ mặc chính quyền Sài Gòn hoặc đưa quân Mỹ vào trực tiếp chiến đấu. Cân nhắc lợi ích nước Mỹ, lợi ích chiến lược toàn cầu, tính toán so sánh lực lượng giữa hai bên và trên quốc tế, Mỹ tin chắc có thể thắng nhanh và quyết định trực tiếp tham chiến. Tháng 2-1965, không quân và hải quân Mỹ đánh phá miền Bắc, tháng 5, bộ binh Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng.

Đồng thời, Mỹ lôi kéo một số nước tham chiến hoặc hỗ trợ hậu cần nhằm hỗ trợ Mỹ về quân sự, chia sẻ với Mỹ gánh nặng về chính trị và tâm lý. Mỹ xuyên tạc bản chất và nguồn gốc chiến tranh, vu cáo Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận, đòi miền Bắc đình chỉ chi viện miền Nam, rút quân khỏi miền Nam. Thâm hiểm nhất là Mỹ lợi dụng tâm lý hoà bình của nhân dân thế giới, mở các chiến dịch hoà bình để ép Việt Nam đi vào "đàm phán không điều kiện" với Mỹ.

Trước nguy cơ lớn của dân tộc, nhân dân Việt Nam hạ quyết tâm quyết đánh và quyết thắng Mỹ theo đường lối của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng, lấy sức mạnh toàn dân chống Mỹ, gắn sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao để thắng địch.

Trên mặt trận ngoại giao, Việt Nam có thuận lợi: Mỹ xâm lược Việt Nam, đe dọa an ninh các nước XHCN và các nước dân tộc, đe dọa hoà bình thế giới. Thành bại của Việt Nam liên quan đến nhiều nước, nhiều dân tộc. Đó là nguốc gốc của sự ủng hộ quốc tế. Nhưng chúng ta cũng có khó khăn. Liên Xô, Trung Quốc mâu thuẫn sâu sắc, các nước XHCN không thể thống nhất hành động ủng hộ Việt Nam. Hỗ trợ và phối hợp với đấu tranh quân sự, chính trị để đánh thắng kẻ thù lớn mạnh, ngoại giao đã phát huy mạnh mẽ vai trò một mặt trận đấu tranh có ý nghĩa chiến lược. Thời kỳ đầu của chiến tranh cục bộ, ngoại giao Việt Nam đã thực hiện xuất sắc những nhiệm vụ, công tác lớn sau đây:

1. *Làm rõ mục đích chính nghĩa, độc lập, hoà bình của Việt Nam, tố cáo Mỹ xâm lược, phạm tội ác chiến tranh.*

Chúng ta phê phán Mỹ xâm lược, phá hoại Hiệp nghị Genève, xâm phạm chủ quyền nước Việt Nam độc lập; Mỹ đe dọa an ninh các nước, đe dọa hoà bình. Chúng ta nói rõ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền là vì độc lập dân tộc và hoà bình, là góp phần to lớn vào sự nghiệp

chung của nhân dân thế giới vì độc lập dân tộc, hoà bình và phát triển. Ngày 22-3-1965, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra *Tuyên bố 5 điểm* (2), biểu thị mạnh mẽ ý chí của nhân dân miền Nam quyết đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Ngày 8-4-1965, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra lập trường 4 điểm đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút quân khỏi miền Nam, chấm dứt đánh phá miền Bắc; hai miền không liên minh quân sự với nước ngoài; công việc nội bộ miền Nam giải quyết theo Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam; Việt Nam thống nhất theo con đường hoà bình.

Lập trường 4 điểm nêu mục tiêu chiến đấu, lập trường của nhân dân Việt Nam và những nguyên tắc lớn của một giải pháp hoà bình. Nó vận dụng những nguyên tắc cơ bản của Hiệp nghị Genève sát với thực tế Việt Nam lúc này. Tuyên bố 5 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và lập trường 4 điểm của VNDCCH sớm trở thành cơ sở vững chắc để chúng ta đấu tranh ngoại giao với Mỹ và cũng là ngọn cờ để tập hợp các lực lượng tiến bộ trên thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.

2. Một nhiệm vụ cấp bách của ngoại giao Việt Nam lúc này là *làm thất bại các chiến dịch hoà bình giả hiệu và luận điệu đòi đàm phán không điều kiện của Mỹ.*

Trong hai năm 1965-1966, Mỹ ráo riết leo thang chiến tranh. Mỹ tung hoả mù che chắn bằng cách ráo riết mở các chiến dịch hoà bình; Mỹ đưa ra một đề nghị, đòi Hà Nội đáp ứng, ép Hà Nội ngồi vào "đàm phán không điều kiện" với Mỹ. Mỹ dùng con bài ném bom miền Bắc Việt Nam rồi ngừng ném bom ít ngày để tăng sức ép, gây khó khăn cho phía Việt Nam. Điển hình là

chiến dịch Pinta tháng 12-1965, Mỹ đưa đề nghị hoà bình 14 điểm, ngừng ném bom tới 37 ngày, vận động 113 chính phủ, cử phái viên tới 40 nước...

Dựa vào tuyên bố 5 điểm và lập trường 4 điểm, ngoại giao hai miền tập trung lên án hành động leo thang chiến tranh ra miền Bắc và tội ác chiến tranh của Mỹ, phê phán và bác bỏ thủ đoạn đòi "đàm phán không điều kiện" của Mỹ. Chúng ta cũng bác bỏ vai trò trung gian và tuyên bố Việt Nam không bao giờ đàm phán dưới sức ép của bom đạn. Ngày 5-12-1965, Hồ Chủ tịch vạch rõ "nói chuyện không điều kiện là luận điệu lừa bịp...". Ngày 24-1-1966, Hồ Chủ tịch gửi thư đến người đứng đầu nhà nước và chính phủ của gần 70 nước (3), trình bày quan điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về cuộc chiến tranh, phê phán bác bỏ các luận điểm sai trái của Mỹ, bày tỏ thiện chí hòa bình và quyết tâm của nhân dân Việt Nam.

3. *Tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN* là nhiệm vụ hàng đầu của ngoại giao Việt Nam lúc này. Liên Xô và Trung Quốc đang đối kháng nhau gay gắt. Hồ Chủ tịch và Trung ương cố gắng tìm ra các điểm tương đồng và các điểm khác nhau trong quan hệ giữa các nước với Việt Nam, xác định lợi ích của các nước trong chiến tranh Việt Nam để tìm ra mẫu số chung lớn nhất làm cơ sở để tranh thủ sự ủng hộ của cả phe XHCN. Việt Nam giữ độc lập tự chủ, lấy đại cục làm trọng để xử lý quan hệ với từng nước. Nhờ đó chúng ta đã đoàn kết và tranh thủ được viện trợ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác.

4. *Thúc đẩy hình thành Mặt trận đoàn kết ba nước Đông Dương* là nhiệm vụ chiến lược của ngoại giao Việt Nam. Việt Nam cố gắng cải thiện quan hệ với chính quyền

Sihanúc, đưa tới việc Campuchia công nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng là đại diện chân chính duy nhất của miền Nam Việt Nam và đồng ý để Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lập cơ quan đại diện ở Phnôm-pênh, ngày 22-6-1967. Đồng thời VNDCCH và Campuchia thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ ngày 20-6-1967.

Đối với Lào, Việt Nam giúp đỡ toàn diện và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng cách mạng Lào trong đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao, góp phần phát triển lực lượng, mở rộng vùng giải phóng của bạn, tạo thuận lợi để ta phát triển đường tiếp tế vào Nam. Và như vậy Mặt trận đoàn kết Đông Dương đã hình thành, góp phần tăng cường tình đoàn kết, tạo thêm sức mạnh cho cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của nhân dân Đông Dương.

5. *Thúc đẩy phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam và phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam* có ý nghĩa rất lớn. Khi Mỹ đưa quân vào miền Nam nước ta, phong trào nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam nhanh chóng phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, từ các nước XHCN đến các nước dân tộc chủ nghĩa. Nhiều tổ chức ủng hộ Việt Nam hình thành ở nhiều nước, hình thức ủng hộ rất phong phú, đa dạng. Ngoại giao Việt Nam góp phần thúc đẩy phong trào và hướng phong trào vào các hoạt động và khẩu hiệu ngày càng phù hợp với yêu cầu đấu tranh của Việt Nam. Mùa Thu năm 1965, ngay sau khi Mỹ mở rộng chiến tranh, phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mỹ bùng lên mạnh mẽ tại hàng trăm thành phố. Sang năm 1966, 1967, phong trào càng sâu rộng, quyết liệt hơn. Với tầm nhìn rộng, Hồ Chủ tịch sớm coi đây là mặt trận thứ hai chống Mỹ và nhận

xét: "Về tinh thần, mặt trận thống nhất phản đế đã hình thành giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Mỹ" (4). Chúng ta đã tranh thủ các diễn đàn quốc tế ở các nước để tiếp xúc với đại biểu nhân dân Mỹ, góp phần thúc đẩy phong trào sát cánh với Việt Nam.

Nhìn khái quát hai năm 1965-1966, lúc Mỹ leo thang ác liệt, ngoại giao Việt Nam mở các đợt đấu tranh quy mô lớn, có bài bản, bước đi vững chắc, tố cáo Mỹ xâm lược, làm thất bại các chiến dịch hoà bình và thủ đoạn "đàm phán không điều kiện" của Mỹ, đề cao chính nghĩa dân tộc, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc, các nước XHCN khác, hình thành mặt trận Đông Dương, tranh thủ sự ủng hộ của các nước dân tộc, phong trào nhân dân khắp các lục địa, gắn kết với phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mỹ. Từ đó hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ rộng lớn, mạnh mẽ chưa từng có. Trong khi đó Mỹ bị đẩy vào thế ngày càng bị cô lập.

6. Tấn công ngoại giao - Mở cục diện "vừa đánh vừa đàm". Sang 1967, xuất hiện một số yếu tố mới tạo đà cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam. Ở miền Nam, chúng ta đánh bại hai cuộc phản công mùa khô của Mỹ; Ở miền Bắc, bước đầu làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ (5). Thế trận trên trường quốc tế cũng có lợi nhiều cho Việt Nam. Ta có điều kiện để mở mặt trận tấn công ngoại giao. Ngày 28-10-1967 theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (khóa III), Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố: "*Sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ có thể*

nói chuyện được". Đây là một đòn tấn công ngoại giao mạnh và hợp tình hợp lý, đánh thẳng vào thủ đoạn "đàm phán không điều kiện" của Mỹ, dùng "gậy ông đập lưng ông", nên Mỹ khó lòng bác bỏ được. Đây là một quả bom về ngoại giao, có tiếng vang rộng khắp thế giới, tạo sức ép mạnh mẽ đòi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc. Chính quyền Mỹ đối phó rất lúng túng. Họ nêu khó khăn để biện bạch. Họ nhờ Thủ tướng Anh và Thủ tướng Liên Xô trung gian giúp cũng không gỡ được. Họ lại nhờ hai người Pháp thăm dò với kế hoạch Pensilvania, hàm ý "*Mỹ sẵn sàng ngừng ném bom miền Bắc khi việc làm không bị lợi dụng và đưa tới cuộc nói chuyện có kết quả*" (6). Pensilvania không thành. Johnson công bố kế hoạch này tại San Antonio nên công thức ngừng ném bom với hai điều kiện này được gọi là công thức San Antonio. Việt Nam bác bỏ vì Mỹ vẫn đòi điều kiện để ngừng ném bom.

7. Tết Mậu Thân và cuộc đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hoa Kỳ năm 1968. Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân Xuân 1968 (đợt 1) thắng lợi lớn, làm chuyển thế trận, đảo lộn chiến lược của Mỹ, gây chấn động sâu sắc nội bộ nước Mỹ. Thất bại ở chiến trường, khủng hoảng nội bộ đã làm lung lay ý chí chiến tranh của Mỹ, buộc chính quyền Mỹ phải chuyển từ chiến lược leo thang sang tìm giải pháp chính trị. Ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Johnson tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và sẵn sàng cử đại diện gặp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...

Ngày 3-4-1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố "sẵn sàng cử đại diện gặp đại diện của Mỹ nhằm xác định việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến

tranh khác chống nước VNDCCH để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện" (7).

Sau một tháng giằng co về thủ tục và địa điểm, cuộc đàm phán song phương Việt Nam - Hoa Kỳ bắt đầu tại Paris ngày 13-5-1968 trong lúc ở miền Nam, ta bắt đầu Tổng tấn công đợt hai. Mấy tháng đầu, Việt Nam dùng đàm phán để tranh thủ dư luận, tạo sức ép hỗ trợ chiến trường (Tổng tiến công đợt 2, 3). Mỹ dùng đàm phán để ổn định nội bộ, thăm dò giải pháp. Mỹ đòi 4 điều kiện để ngừng ném bom: Mỹ và Việt Nam không tăng quân vào miền Nam quá mức hiện nay; khôi phục khu phi quân sự; Việt Nam không bắn pháo qua khu phi quân sự, không đánh vào các thành phố lớn ở miền Nam (8). Đến tháng 9, do sức ép của cuộc bầu cử, Mỹ ngả bài, gác các điều kiện quân sự, chỉ đòi cho chính quyền Sài Gòn được tham gia đàm phán giai đoạn sau. Phía ta thì tổng tiến công đợt 3 đã kết thúc, thắng lợi hạn chế lại tổn thất nhiều, cần có thời gian củng cố lực lượng. Từ đó, sau mấy phiên họp kín, hai bên đạt thoả thuận về hai vấn đề lớn: 1. Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc không kèm theo điều kiện gì; 2. Hội nghị để tìm giải pháp cho vấn đề miền Nam Việt Nam, có VNDCCH, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) tham dự. Ngày 31-10-1968, Tổng thống Mỹ chính thức ra lệnh chấm dứt hoàn toàn các cuộc đánh phá bằng không quân, hải quân vào Bắc Việt Nam.

Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ. Việt Nam đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ, đáp ứng niềm tin của nhân dân ta và bạn bè quốc tế. Mỹ thất bại cả về chính trị, chiến lược

và thế pháp lý. Việt Nam đã kéo Mỹ xuống thang một bước quan trọng.

IV. GIAI ĐOẠN CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" BUỘC MỸ PHẢI KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM (1969-1973)

Thất bại và sa lầy ở Việt Nam, nước Mỹ bước vào thời kỳ khó khăn. Năm 1969, Nixon lên cầm quyền, điều chỉnh chiến lược toàn cầu; Tháng 7, ông ta công bố học thuyết Guam; với Việt Nam thì chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Nội dung của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là tập trung xây dựng quân đội và chính quyền Sài Gòn mạnh hùng làm suy yếu và cô lập cách mạng miền Nam, đồng thời thực hiện từng bước rút dần quân Mỹ.

Về phía ta, từ 1969 bước vào thời kỳ khó khăn. Cuộc tổng tiến công năm 1968 kéo dài qua 3 đợt, đầu 1969 thêm hai đợt, lực lượng bị tổn thất nặng, vùng giải phóng thu hẹp... Ở Campuchia, Lol Nol tiến hành đảo chính lật đổ chính quyền Sihanúc và thiết lập chính phủ thân Mỹ...

Theo tinh thần nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 18 (tháng 1-1970) nhiệm vụ chủ yếu của ngoại giao lúc này là phối hợp và hỗ trợ đấu tranh quân sự, chính trị, tiếp tục chiến đấu để cải thiện so sánh lực lượng, kéo địch xuống thang trên chiến trường chính, tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các nước XHCN và nhân dân thế giới. Suốt mấy năm giằng co này, ngoại giao vận dụng phương thức "vừa đánh vừa đàm", kết hợp ba nhân tố chiến trường, hậu phương, quốc tế với đàm phán, vừa tấn công Mỹ, vừa tranh thủ quốc tế vừa phải làm thất bại âm mưu của Mỹ lợi dụng hoà hoãn với Liên Xô, Trung Quốc để chia rẽ Việt Nam với hai nước.

1. Mở hội nghị 4 bên - Củng cố cục diện đánh đàm

Ngày 25-1-1969, hội nghị 4 bên bắt đầu. Chúng ta sử dụng diễn đàn này để phê phán và lên án Mỹ kéo dài chiến tranh, gây tội ác. Ngày 8-5-1969, đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đưa ra đề nghị hoà bình đầu tiên tại bàn đàm phán (9), thường được gọi là *Giải pháp toàn bộ 10 điểm*, xoáy vào hai vấn đề chính là Mỹ rút hết quân và lập chính phủ liên hiệp. Với đề nghị 10 điểm này, Việt Nam giành lợi thế trong đàm phán, củng cố cục diện "vừa đánh vừa đàm".

2. Kéo Mỹ xuống thang chiến tranh, ép Mỹ đơn phương rút quân

Suốt thời gian này ở trong nước và trên bàn đàm phán, chúng ta phê phán mạnh chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh", khẳng định "Việt Nam hóa chiến tranh" là kéo dài chiến tranh, đòi Mỹ phải rút hết quân. Chúng ta phê phán Mỹ "rút quân nhỏ giọt". Mỹ tiếp tục rút dần quân nhưng không định được thời hạn rút hết. Đánh vào chỗ yếu này, ngày 14-9-1970, Việt Nam đưa đề nghị đòi Mỹ rút hết quân trước 30-6-1971. Đến 1-7-1971, khi thời hạn 30-6 đã qua, ta lại đưa đề nghị hoà bình mới, đòi Mỹ định thời gian rút hết quân trước 31-12-1971 (10). Lần này đề nghị của Việt Nam có ý mới. Số phi công Mỹ bị bắt ở miền Bắc khá lớn. Một số trong họ là con ông cháu cha, con nhà có thế lực. Dư luận Mỹ và gia đình họ rất quan tâm đến số phận họ. Cho nên trong đề nghị hoà bình, ta nêu "thời hạn rút hết quân Mỹ cũng là thời hạn thả hết tù binh". Vì vậy đề nghị này - đề nghị hoà bình lớn thứ hai - có tác dụng tiến công rất mạnh.

Với các biện pháp ngoại giao tinh tế đó, ta vừa hỗ trợ được chiến trường đánh kéo

dài, đánh mạnh, vừa ép Mỹ rút dần quân và Mỹ không lợi dụng được việc rút dần quân chuyển sức ép của dư luận về phía ta.

3. Đẩy mạnh sự ủng hộ của quốc tế

Chiến tranh kéo dài, việc tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc càng có ý nghĩa quan trọng. Ta tăng cường tiếp xúc, theo dõi, thông báo tình hình, giữ thái độ chân thành tin cậy; đồng thời tiếp tục tranh thủ viện trợ của quốc tế và làm thất bại chính sách của Mỹ chia rẽ ta với hai nước. Tháng 3-1970, thực hiện "Việt Nam hoá chiến tranh", chính quyền Nixon mở rộng chiến tranh sang Campuchia. Nắm cơ hội này, quân giải phóng phối hợp với lực lượng kháng chiến bạn giáng trả quân Mỹ và quân Sài Gòn, giải phóng Đông Campuchia; Việt Nam phối hợp với Trung Quốc giúp Hoàng thân Sihanúc giữ thế hợp pháp, lập chính phủ kháng chiến. Tại Lào, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với lực lượng kháng chiến Lào đánh mạnh, mở rộng vùng giải phóng, tạo thế liên hoàn ba chiến trường. Đại diện ba nước họp *Hội nghị cao cấp nhân dân Đông Dương* tháng 4-1970 thắt chặt và thúc đẩy khối đoàn kết Đông Dương lên tầm cao mới.

Chúng ta tiếp tục nhận được sự ủng hộ ngày càng mạnh mẽ của nhân dân thế giới. Việc này tác động đến thái độ nhiều nước. Một số nước vốn là đồng minh của Mỹ nay bắt đầu biểu thị thái độ không đồng tình với hành động tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tại Việt Nam. Việt Nam cũng đẩy mạnh tiếp xúc với đại diện các phong trào và tổ chức nhân dân Mỹ. Chúng ta giải quyết vấn đề tù binh Mỹ, tạo thuận lợi cho gia đình vào thăm, công bố toàn bộ danh sách tù binh. Dư luận tại Mỹ thêm thuận lợi cho ta. Mỹ càng gặp

nhiều khó khăn trên thế giới và ngay cả trong nước Mỹ.

4. Đàm phán kết thúc chiến tranh - ký Hiệp định Paris về Việt Nam

Từ mùa Thu 1969 đến đầu 1972, đàm phán trên diễn đàn công khai là chính. Mỗi năm có 1-2 lần gặp riêng, chủ yếu là thăm dò nhau. Sau thắng lợi của chiến dịch tổng tiến công Xuân Hè 1972 làm phá sản "Việt Nam hóa chiến tranh", Bộ Chính trị quyết định đưa đàm phán đi vào thực chất để kết thúc chiến tranh trong năm 1972, năm bầu cử ở Mỹ (11). Mục tiêu của ta là Mỹ rút hết quân, lập một hình thức chính quyền liên hiệp để tổ chức tổng tuyển cử đồng thời đòi Mỹ bồi thường dưới danh nghĩa đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh. Thăm dò và đàm phán gay gắt suốt 3 tháng (tháng 7, 8, 9). Để gỡ bế tắc, đẩy nhanh đàm phán, ngày 8-10-1972, Việt Nam đưa ra đề nghị hoà bình dưới dạng một *Dự thảo hiệp định*; Nội dung chủ yếu của Dự thảo là tập trung giải quyết các vấn đề quân sự gồm ngừng bắn, rút quân Mỹ, thả hết tù binh. Các vấn đề chính trị gai góc đều được gác lại để sau này hai bên miền Nam (chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng Lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam) giải quyết. Thực chất là giữ nguyên trạng ở miền Nam sau khi Mỹ rút. Sách lược này làm cho lập trường hai bên gần nhau, nên chỉ trong hơn một tuần, hai bên đạt được thoả thuận hiệp định ngày 20-10, dự định ký ngày 31-10-1972.

Lần thứ hai Thiệu tìm cách cản trở, bác bỏ hiệp định đã thoả thuận. Nixon ép Thiệu chấp nhận Hiệp định. Trong thư gửi Thiệu ngày 18-10-1972, ông ta viết "tôi cho rằng không có cách nào hợp lý khác ngoài việc chấp nhận hiệp định đó". Ngày 21-10-1972, Nixon dọa "chúng tôi phải xét việc ký riêng một hiệp định với kẻ thù" (12). Tuy

vậy, Thiệu vẫn không chấp nhận. Thiệu thấy bị Mỹ bỏ rơi, nhưng lần này Mỹ không bỏ Thiệu, sợ gây chấn động quá lớn trước ngày bầu cử. Nixon đề nghị với Việt Nam đàm phán bổ sung. Trước khi nhận đàm phán lại, Hà Nội công bố kết quả đàm phán và hiệp định đã hoàn thành, củng cố thành quả, tạo thế mạnh trong lần đàm phán tới, đẩy Mỹ và Sài Gòn vào thế đối phó lúng túng. Cuộc đàm phán lại kéo dài từ 8-11 đến 13-12, còn vài điều khoản trong đó có điều khoản về khu phi quân sự chưa thỏa thuận, đàm phán tạm ngừng để các nhà đàm phán xin ý kiến chính phủ. Mỹ dùng B52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng vào mùa lễ Giáng sinh năm 1972 để gây sức ép. Với thắng lợi đánh bại cuộc tập kích chiến lược này của Mỹ, Việt Nam trở lại bàn đàm phán trên thế mạnh. Đến 23-1-1973 thì đạt Hiệp định và ký tắt; ngày 27-1-1973 ký chính thức. Cùng với Hiệp định, bốn bên ký 4 Nghị định thư bảo đảm thi hành Hiệp định.

Cùng với thắng lợi quân sự, thắng lợi của Hiệp định Paris có ý nghĩa quyết định, "đánh cho Mỹ cút", Mỹ buộc phải tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, mở ra thế trận và so sánh lực lượng có lợi để đánh bại chính quyền tay sai Mỹ trong bước sau. Đại thắng mùa Xuân 1975 không tách khỏi thắng lợi của Hiệp định Paris.

V. HỖ TRỢ CHO CÔNG CUỘC HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (1973-1975)

Từ tháng 1-1973, sau khi Hiệp định Paris có hiệu lực, cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam bước sang giai đoạn mới. Trong phần này chúng tôi giới thiệu ý đồ của Mỹ, của chính quyền Thiệu và chủ trương đấu tranh của ta qua hai thời kỳ 1973-1974 và 1974-1975.

1. Ý đồ của Hoa Kỳ và chính quyền Thiệu

Hoa Kỳ rút hết quân khỏi miền Nam tháng 3-1973, chấm dứt ném bom Campuchia tháng 8-1973, rút hết quân khỏi Thái Lan và giảm viện trợ cho các nước thân Mỹ trong khu vực. Mỹ giải tán Bộ Tư lệnh MACV ở Sài Gòn, lập cơ quan tùy viên quân sự (DAO) có nhiệm vụ điều hành viện trợ quân sự cho Sài Gòn. Chiến lược của Mỹ ở miền Nam là cố gắng duy trì nguyên trạng, giúp Thiệu củng cố chính quyền, dùng đòn bẩy kinh tế để kiểm chế VNDCCH và Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Đàm phán Hiệp định Paris, Mỹ chấp nhận đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc là nhằm mục đích này.

Trong khi đó thì Thiệu lại muốn xóa ngay Hiệp định, tiếp tục chiến tranh, chiếm đất, giành dân, xóa hình thái da báo, thu hẹp vùng kiểm soát của Mặt trận, duy trì chiến tranh để Mỹ tiếp tục viện trợ, khi cần thì kéo Mỹ can thiệp trở lại. Trước khi ký Hiệp định, Thiệu đã chuẩn bị kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", đánh chiếm nhiều vùng. Cho nên có Hiệp định mà miền Nam chưa có hoà bình.

2. Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris thời kỳ 1973-1974

Ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương thi hành Hiệp định. Đấu tranh thi hành Hiệp định là một bộ phận của chiến lược cách mạng chung nhằm làm thay đổi so sánh lực lượng, giữ vững và phát triển lực lượng của ta, nhằm mục tiêu hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà. Rút kinh nghiệm sau Hiệp nghị Geneve 1954, lần này chúng ta sẵn sàng trên cả hai khả năng, là đấu tranh buộc địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, đồng thời sẵn

sàng dùng đấu tranh vũ trang giáng trả khi địch vi phạm Hiệp định.

Liên Xô và các nước XHCN ủng hộ Việt Nam thi hành Hiệp định và khôi phục miền Bắc. Trung Quốc ủng hộ Việt Nam thi hành Hiệp định nhưng khuyên nên duy trì đấu tranh chính trị, hứa tiếp tục viện trợ như trước. Đầu năm 1974, lợi dụng Mỹ suy yếu, nguy rồi ren, Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa từ tay chính quyền Sài Gòn.

Nhiệm vụ của đấu tranh ngoại giao thời kỳ 1973 đến giữa năm 1974 là phối hợp với đấu tranh quân sự thực hiện việc Mỹ rút hết quân, chấm dứt dính líu quân sự, đòi chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định, nghiêm chỉnh ngừng bắn, đình chỉ lấn chiếm; đồng thời tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của các nước anh em và nhân dân thế giới. Để phối hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao có hiệu quả, Việt Nam tiếp tục phương sách "vừa đánh vừa đàm", cùng lúc mở nhiều diễn đàn khác nhau:

- Trong các hoạt động của ta tại Ban Liên hợp quân sự 4 bên (13), chúng ta đấu tranh đòi Sài Gòn thực hiện ngừng bắn, thả hết tù chính trị, lên án Mỹ và Sài Gòn không tôn trọng và thi hành Hiệp định.

- Tại Diễn đàn Hội nghị Hiệp thương hai bên miền Nam ở Paris, đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng Lâm thời tỏ thiện chí thi hành đúng đắn Hiệp định, lên án Sài Gòn được Mỹ dung túng phá Hiệp định, tiếp tục chiến tranh, lấn chiếm, không chịu trao trả hết tù chính trị. Diễn đàn này chủ yếu là để tranh thủ dư luận quốc tế.

Đấu tranh đòi Mỹ chấm dứt dính líu quân sự, chấm dứt viện trợ cho Thiệu phù hợp với dư luận ở Mỹ. Giữa năm 1973, quốc hội Mỹ bắt đầu cắt giảm viện trợ cho Sài Gòn khiến đầu năm 1974 ngân sách của

Sài Gòn hụt tới 200 tỷ đồng Sài Gòn mà Thiệu không có cách gì khắc phục được, chỉ biết kêu gọi quân lính "đánh theo kiểu con nhà nghèo", việc mà họ không thể làm được (14).

Tại các diễn đàn và trên báo chí, chúng ta tập trung đấu tranh cho "Các vấn đề cấp bách" là ngừng bắn, thả hết tù chính trị, thực hiện tự do dân chủ, được dư luận thế giới, dư luận ở Sài Gòn đặc biệt là "lực lượng thứ ba" ủng hộ mạnh mẽ.

Có thể nói đến cuối 1973, hầu như VNDCCH và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam chiếm lĩnh trận địa dư luận. Ngày 15-10-1973, Bộ Chỉ huy Quân giải phóng công bố lệnh kiên quyết giáng trả những hành động chiến tranh của quân đội Sài Gòn. Đây là lời cảnh cáo đối với chính quyền Sài Gòn đồng thời cũng là chuẩn bị dư luận cho các đòn đánh mạnh sắp tới của quân giải phóng.

3. Phục vụ cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam 1974-1975

Mặc dù đã suy yếu, quân nguy vẫn tiếp tục lấn chiếm. Để giáng trả các hành động phá hoại Hiệp định, quân và dân ta liên tiếp tấn công, giành nhiều thắng lợi, tiêu diệt nhiều quân nguy, đánh bại kế hoạch lấn chiếm của Thiệu, thu hồi và mở rộng vùng giải phóng. Điều đó đã làm cho so sánh lực lượng thay đổi cơ bản có lợi cho ta.

Chuyển biến này trùng hợp với chuyển biến ở nước Mỹ. Vụ bê bối Watergate buộc Nixon phải từ chức tháng 8-1974, gây ra sự rối loạn quyền lực và khủng hoảng lòng tin của dân Mỹ. Để chuẩn bị dư luận phù hợp với tình thế mới, ngoại giao Việt Nam chủ trương thực hiện hai biện pháp mạnh:

Một là chúng ta cắt đứt các diễn đàn, chấm dứt cục diện vừa đánh vừa đàm. Hội nghị hai bên miền Nam ở Paris chấm dứt hẳn từ tháng 8-1974; Hoạt động của Ban Liên hợp quân sự ở Sài Gòn đình chỉ các cuộc họp từ tháng 6-1974. Hành động này là sự biểu thị một lập trường cứng rắn, đồng thời loại bỏ những khả năng mà kẻ địch có thể bấu víu đòi bàn ngừng bắn khi ta đánh mạnh. Hai là, ngày 8-10-1974, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra Tuyên bố về "hai đòi hỏi cấp bách" là Mỹ chấm dứt mọi can thiệp và dính líu ở miền Nam, thay Thiệu và phe cánh bằng một chính quyền Sài Gòn, tán thành hòa bình, hòa hợp dân tộc và thi hành Hiệp định.

Cuối tháng 12-1974 đầu năm 1975, Bộ Chính trị họp mở rộng, đánh giá tình hình, thông qua kế hoạch và quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976 và dự kiến một phương hướng hành động cực kỳ quan trọng là "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975 (15).

Nhiệm vụ chủ yếu của ngoại giao thời kỳ này là theo dõi đánh giá về khả năng Mỹ có thể trở lại can thiệp quân sự hay không và đấu tranh ngăn chặn khả năng đó. Chúng ta đi tới nhận định: khả năng can thiệp quân sự của Mỹ là hạn chế. Cần đề phòng Mỹ có thể can thiệp bằng không quân, hải quân; nhưng dù chúng can thiệp thế nào cũng không cứu được nguy quyền khỏi sự sụp đổ (16).

Ngoại giao theo dõi chặt chẽ thái độ của Mỹ. Đầu năm 1975 khi quân ta đánh chiếm tỉnh Phước Long và đài quan sát trên núi Bà Đen (Tây Ninh), chính quyền Mỹ hăm dọa nhưng dư luận Mỹ đã phản ứng mạnh

mẽ. Điều đó cho thấy khả năng Mỹ can thiệp rất hạn chế.

Ngày 4-3-1975, quân giải phóng mở chiến dịch Tây Nguyên, ngày 11-3 giải phóng Buôn Ma Thuột. Lãnh đạo ta hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Ngày 21-3-1975, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố đòi thay Thiệu bằng một chính quyền tán thành hoà bình, hoà hợp dân tộc, độc lập và dân chủ. Đây là một đòi hỏi mà chính quyền Ngụy không thể đáp ứng được. Ngày 2-4-1975, Mỹ gửi công hàm cho Liên Xô, Trung Quốc đề nghị họp lại hội nghị quốc tế để bàn việc ngừng bắn. Chúng ta làm việc chân tình với bạn để có trả lời thoả đáng cho phía Mỹ, nhất là lúc này đại quân ta đã hình thành thế bao vây Sài Gòn. Ngày 16-4, Ủy ban Quân lực Mỹ bác bỏ viện trợ bổ sung cho Thiệu. Ngày 17-4, Mỹ bỏ rơi chính quyền thân Mỹ ở Phnômpenh. Ngày 23-4, Tổng thống Mỹ Ford tuyên bố cuộc chiến tranh Việt Nam chấm dứt đối với Mỹ. Lúc này Mỹ vận động Liên Xô đề nghị Việt Nam đồng ý cho di tản người Mỹ ra khỏi miền Nam. Việt Nam đồng ý với đề nghị này.

Ngày 26-4-1975, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố rõ ràng, dứt khoát "xoá bỏ hoàn toàn nguy quyền và bộ máy chiến tranh kìm kẹp của nguy". Tuyên bố này không còn tính chất giải pháp theo Hiệp định Paris. Về thực chất, đây là một tối hậu thư buộc địch đầu hàng. Đúng như ta dự đoán, chính quyền Dương Văn Minh thành lập, tuyên bố đòi Mỹ rút, yêu cầu thương lượng và cử đại diện gặp phái đoàn của Chính phủ cách mạng lâm thời. Đã quá muộn. Đã có tuyên bố 26-4 và từ đêm hôm đó, cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn đã bắt đầu!

VI. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ NGOẠI GIAO VIỆT NAM THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Như vậy, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngoại giao đóng vai trò là một mặt trận đấu tranh có ý nghĩa chiến lược lớn lao, phục vụ và phối hợp xuất sắc với đấu tranh quân sự, chính trị góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Việt Nam chống Mỹ có nhiều điều kiện quốc tế thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Ngoại giao Việt Nam phải chống chọi với nền ngoại giao của một siêu cường. Việt Nam tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc trong lúc hai nước đối kháng nhau quyết liệt và đều sử dụng vấn đề Việt Nam theo lợi ích riêng.

Trong bối cảnh đó, ngoại giao thời kỳ chống Mỹ cứu nước đã vượt qua muôn vàn khó khăn và đã đạt được những thành công lớn sau đây:

- Việt Nam đoàn kết, củng cố đồng minh chiến lược với Liên Xô, Trung Quốc tranh thủ sự giúp đỡ to lớn của hai nước từ đầu cho đến kết thúc chiến tranh. Tổng số viện trợ quốc tế suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Việt Nam ước tính 2.361.682 tấn, trị giá 7 tỷ rúp (17), phần lớn là từ Liên Xô, Trung Quốc. Riêng viện trợ của Trung Quốc chiếm khoảng 50% tổng số viện trợ quốc tế. Trong những năm 1954-1964 cả Liên Xô, Trung Quốc đều không muốn Việt Nam phát triển đấu tranh vũ trang. Liên Xô muốn Việt Nam đàm phán sớm với Mỹ để thúc đẩy hòa hoãn với Mỹ. Trái lại, từ 1967, 1968, Việt Nam có thể nói chuyện với Mỹ thì Trung Quốc phản đối quyết liệt.

Trong thế trận đó, Việt Nam đã chọn con đường ứng xử khôn khéo tế nhị nhất.

Việt Nam tôn trọng lợi ích của hai nước, chân thành quý trọng và đoàn kết với cả hai nước, giữ thế cân bằng chiến lược, không ngả về bên này chống bên kia.

Việt Nam thành công trong quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc là do chúng ta chân thành đoàn kết. Trước đây Hồ Chủ tịch và Đảng Lao động Việt Nam làm hết sức mình góp phần đoàn kết Xô - Trung, đoàn kết phe XHCN. Trong thời kỳ chiến tranh, Việt Nam có những biện pháp mạnh mẽ để tạo độ tin cậy, tăng cường đoàn kết trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ do vậy hai nước bạn đã ủng hộ và tôn trọng quyền quyết định của Việt Nam.

Điều này có ý nghĩa quyết định củng cố hậu phương quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta tiến hành kháng chiến chống Mỹ thắng lợi.

- Đoàn kết Đông Dương luôn là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam. Xây dựng được Mặt trận đoàn kết nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia là một thắng lợi chiến lược.

Chúng ta thường nói Việt Nam đánh Mỹ bằng 3 tầng mặt trận: Mặt trận trong nước, mặt trận Đông Dương, mặt trận trên thế giới. Đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương được Đảng xác định là nhiệm vụ chiến lược, đi vào kháng chiến chống Mỹ, được nâng lên tầm cao mới. Đối với Lào, chúng ta tận tình giúp đỡ lực lượng kháng chiến, tích cực tranh thủ các xu hướng hoà bình trung lập kể cả phái bảo hoàng (phái Fuma). Với Campuchia Việt Nam có quan hệ tốt với chính quyền Vương quốc, tạo thuận lợi cho việc tiếp tế và lập hậu cứ cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Khi Mỹ mở rộng chiến tranh, tăng cường can thiệp vào Lào và xâm lược

Campuchia (1970), Việt Nam tiếp tục giúp lực lượng kháng chiến Lào đánh Mỹ, mở rộng vùng giải phóng, giúp và phối hợp với lực lượng kháng chiến Campuchia, tạo chuyển biến mạnh, đưa tới hình thành một chiến trường Đông Dương chống Mỹ, có sự phối hợp đấu tranh toàn diện, có thể liên hoàn, phát huy sức mạnh toàn Đông Dương. Tại đàm phán Paris, thế mạnh toàn Đông Dương tạo cho ta thế lợi trong đàm phán với Mỹ.

- Cùng với phe XHCN và đoàn kết Đông Dương, ngoại giao góp phần hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ là một thắng lợi vô cùng to lớn. Tập hợp lực lượng quốc tế luôn là nhiệm vụ hàng đầu của ngoại giao. Cùng với sự tranh thủ các nước XHCN, các nước dân tộc, một số nước phát triển, Việt Nam rất coi trọng phong trào nhân dân các nước ủng hộ Việt Nam chống Mỹ. Phong trào lên mạnh từ cuối 1964, trở thành rộng lớn trong các năm 1965-1966 khi Mỹ leo thang chiến tranh. Thành phần tham gia phong trào ngày càng rộng rãi, đông đảo nhất là thanh niên, phụ nữ, giới công đoàn và giới trí thức. Hình thức chống Mỹ và ủng hộ Việt Nam rất đa dạng phong phú. Phong trào nhân dân thế giới đặc biệt là ở các nước Tây Bắc Âu có sự "liên kết", tác động qua lại với phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ. Phong trào đã trở thành một lực lượng chính trị hùng hậu, ngày càng gây khó khăn cho Mỹ trên quốc tế và tác động sâu sắc tới thái độ chính trị của chính phủ nhiều nước. Ngoại giao Việt với nhiều hình thức hoạt động: ngoại giao nhà nước, ngoại giao nhân dân, báo đài, tuyên truyền quốc tế, các đoàn đàm phán, các đoàn đại biểu dự các diễn đàn quốc tế... đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy, phong

trào phát triển mạnh mẽ, bền bỉ cho đến ngày toàn thắng.

- *Một thành công có ý nghĩa trực tiếp nhất của ngoại giao là phối hợp và hỗ trợ cho đấu tranh quân sự, chính trị trên chiến trường*, một sự phối hợp thường xuyên, năng động và có hiệu quả. Sự phối hợp diễn ra trên tất cả các bình diện:

Về chiến lược, trong từng thời kỳ, ngoại giao có đường lối đối ngoại nhằm bảo đảm thực hiện chiến lược cách mạng thời kỳ đó. Trên bình diện chiến thuật, ngoại giao phối hợp làm thất bại các thủ đoạn của Mỹ hòng gây khó khăn cho cuộc chiến đấu của ta ở chiến trường như đòi khôi phục khu phi quân sự, đòi hạn chế việc miền Bắc tiếp tế cho miền Nam hòng ngăn không cho quân ta tấn công vào các thành phố lớn... Đối với từng trận, từng hoạt động quân sự lớn, ngoại giao đều tìm biện pháp phối hợp, che chắn. Thành công lớn nhất của ngoại giao phối hợp với chiến trường là gắn Việt Nam với thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, góp phần biến sự ủng hộ, giúp đỡ của thế giới thành nội lực của ta để duy trì và phát triển cuộc chiến đấu lâu dài.

- *Một thành công lớn của ngoại giao là tiến hành thắng lợi cuộc đàm phán Việt Nam - Hoa Kỳ suốt 5-6 năm*. Đây là đỉnh cao của phối hợp ngoại giao với chiến trường, đỉnh cao của chính mặt trận ngoại giao. Chúng ta dùng đàm phán để đề cao chính nghĩa dân tộc, khoét sâu vào chỗ yếu về chính trị của Mỹ, tranh thủ dư luận. Trong đàm phán, Việt Nam giữ quyền chủ động, kiên trì mục tiêu và nguyên tắc, nắm vững bài bản và bước đi. Chúng ta biết nắm và tạo ra thời cơ, giành thắng lợi từng bước, năm 1968 buộc Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc; năm 1969-1971 kéo Mỹ

xuống thang trên chiến trường chính, cuối 1972 đầu 1973 buộc Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam. Trong lịch sử cận, hiện đại, chưa từng có một cuộc đàm phán giữa một nước nhỏ với một nước lớn mà nước nhỏ lại có thể “áp đặt” giải pháp cuối cùng như tại cuộc đàm phán Paris. Suốt cuộc đàm phán, Việt Nam giữ độc lập tự chủ, nói chuyện tay đôi với đối phương không để một bên thứ ba nào dính líu vào.

*

Có thể nói rằng trong kháng chiến chống Mỹ, ngoại giao đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung. Những kết quả giành được đều bắt nguồn từ những nhân tố sau:

1. Việt Nam có chính nghĩa, mục tiêu đấu tranh của nhân dân ta vì độc lập, hoà bình, thống nhất đồng thời là mục tiêu thời đại, phù hợp với nguyện vọng chung của các dân tộc nên được anh em, bạn bè, cộng đồng quốc tế ủng hộ mạnh mẽ. Trong đấu tranh ngoại giao, chúng ta đã phát huy chỗ mạnh cơ bản này và xoáy vào chỗ yếu lớn của Mỹ là xâm lược, phi nghĩa để tấn công cô lập đối phương và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

2. Thắng lợi ngoại giao bắt nguồn từ cuộc đấu tranh của nhân dân ta trên mặt trận quân sự, chính trị. Thắng lợi trên chiến trường tạo thế mạnh cho ngoại giao, củng cố tin cậy của bạn bè, góp sức đánh bại chính sách đàm phán trên thế mạnh của Mỹ. Ngoại giao kéo Mỹ xuống thang từng bước, trước hết là do thế trận trên chiến trường.

3. Ngoại giao do Hồ Chủ tịch và Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo. Những vấn đề lớn về đường lối chủ trương, về đối ngoại qua kiểm nghiệm lịch sử đều tỏ ra đúng

dẫn: Đường lối độc lập tự chủ, đoàn kết Xô - Trung, đoàn kết quốc tế, đường lối đoàn kết Đông Dương, đường lối tấn công kiểm chế, kéo Mỹ xuống thang, dùng đàm phán mở đường để Mỹ rút khỏi Việt Nam... Sự chỉ đạo về đối ngoại sắc bén, sáng tạo. Vào những thời điểm bước ngoặt, Hồ Chủ tịch và Trung ương đã có những quyết sách và chủ trương đối ngoại có tầm trí tuệ, thể hiện tư duy và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh.

4. Trong cuộc đụng đầu này, ngành ngoại giao Việt Nam vừa chiến đấu vừa xây

dựng, từng bước trưởng thành theo đà phát triển của chiến đấu. Ngoại giao tham mưu cho Trung ương đánh giá kẻ địch, phân tích thời cuộc, tìm hiểu bạn bè, đồng minh... Quan trọng là tham mưu về chủ trương, biện pháp ngoại giao, nhất là mỗi khi có tình thế mới. Sự trưởng thành của ngành ngoại giao, của đội ngũ cán bộ ngoại giao, sự vận dụng tổng hợp sức mạnh của Mặt trận ngoại giao, sự phối hợp của ngoại giao hai miền - tuy hai mà một, tuy một mà hai - cũng đóng góp xứng đáng vào thắng lợi của mặt trận ngoại giao.

CHÚ THÍCH

(1). Hồ Chí Minh. *Lời kêu gọi nhân dịp cách mạng tháng 8 và quốc khánh*. Toàn tập. Tập 7, tr. 339.

(2). Tóm tắt tuyên bố 5 điểm của Mặt trận ngày 22-3-1965

1. Đế quốc là kẻ phá hoại Hiệp nghị Geneve là kẻ gây chiến xâm lược

2. Nhân dân miền Nam cương quyết đánh đuổi đế quốc Mỹ

3. Nhân dân và quân giải phóng miền Nam quyết hoàn thành nghĩa vụ giải phóng miền Nam bảo vệ miền Bắc

4. Cảm ơn sự ủng hộ của nhân dân, sẵn sàng tiếp nhận mọi sự giúp đỡ kể cả vũ khí, dụng cụ chiến tranh

5. Toàn dân đoàn kết, anh dũng xông lên...

(3). Xem: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Bộ Ngoại giao. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 209.

(4). Hồ Chí Minh. *Mặt trận số 2 chống đế quốc*. Toàn tập. Tập 12, tr. 123-125.

(5). Đến cuối năm 1966, quân dân miền Bắc hạ được 1620 máy bay Mỹ. Trong *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, tr. 217.

(6), (7). Xem: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Sdd, tr. 219-220, 223.

(8). Nguyễn Thành Lê. *Cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 23.

(9). Nội dung đề nghị 10 điểm, xem *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Sdd, tr. 240-241.

(10), (11), (16). Xem: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Sdd, tr. 209, 251, 275-276.

(12). Hồ sơ ngoại giao.

(13). Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động cuối tháng 3-1973, sau khi Mỹ rút hết quân.

(14). Mỹ viện trợ cho chính quyền Sài Gòn: năm 1972 - 2 tỷ đô la; năm 1973 còn 1,4 tỷ; năm 1974 chỉ còn một nửa. Xem thêm: *Diplomatie của A. Kissinger*. Nxb. Fayard, 1996, tr. 632.

(15). Đại tướng Văn Tiến Dũng. *Đại thắng mùa Xuân*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1976, tr. 35.

(17). Chiến tranh cách mạng Việt Nam - Thắng lợi và bài học. Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 601.